

Bản án số: 526/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/8/2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đàm Thu Ánh;
2. Ông Khưu Hán Quang.

***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Từ Khiết N, sinh năm 1984; địa chỉ: 262/17 đường NN, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).
2. Bị đơn: Ông Lạc Minh B, sinh năm 1980; địa chỉ: 608 đường TP, Phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Từ Khiết N trình bày:

Bà và ông Lạc Minh B tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung là trẻ Lạc Phôi A (nữ, sinh ngày 30/7/2008) và trẻ Lạc Nhã T (nữ, sinh ngày 01/8/2012). Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tình cảm do không hòa hợp về nhiều mặt trong cuộc sống, trước đây ông B gây nhiều nợ nần, công việc bấp bênh nên bà phải đi xuất khẩu lao động suốt 08 năm qua để trả nợ cho ông B và gửi tiền về để lo chi phí nuôi các con ăn học. Sau khi bà quay trở về Việt Nam sinh sống, ông B cũng không thay đổi, mọi gánh nặng kinh tế, chi phí lo cho con cái đều dồn lên vai bà dẫn đến

bà cảm thấy rất mệt mỏi. Thêm vào đó, bên nhà ông B cứ gây khó dễ, chửi mắng và nói bà có quan hệ với người khác làm bà bị áp lực về mặt tinh thần. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, ông B vẫn không thay đổi, cuộc sống kinh tế gia đình bấp bênh, thời gian không chung sống lâu dẫn đến bà không còn tình cảm với ông B, thêm vào đó nhiều áp lực về kinh tế lo cho các con, bà không thể chung sống được với ông Lạc Minh B nữa nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với ông B để bà yên tâm làm việc lo cho các con. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, ông B giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng ông B cũng không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, mẹ và chị ông B cứ gây áp lực và mắng chửi bà trong thời gian Tòa cho thời gian hòa giải. Do đó, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lạc Nhã T nữ, sinh ngày 01/8/2012) và đồng ý để ông B nuôi trẻ Lạc Phối A (nữ, sinh ngày 30/7/2008), không yêu cầu ông B cấp dưỡng trẻ T cũng như không cấp dưỡng nuôi trẻ A.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lạc Minh B là bị đơn trình bày: Ông xác nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà N đã trình bày.

Ông B xác nhận vợ chồng thỉnh thoảng có tranh cãi nhỏ nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Thời gian trước, ông làm ăn thất bại, mượn nhiều tiền của người khác không còn khả năng xoay xở dẫn đến nợ nần nên bà N đi xuất khẩu lao động 08 năm để phụ trả nợ cho ông và lo chi phí cho gia đình, kinh tế gia đình thời gian qua đều do bà N lo, trong thời gian đó ông ở Việt Nam chăm sóc các con. Sau khi bà N về Việt Nam thì bà N yêu cầu ly hôn do phải gánh nhiều áp lực về kinh tế do ông làm việc không ổn định thu nhập bấp bênh, mọi gánh nặng chi phí lo cho hai con phần lớn do bà N lo. Nay nợ nần đã trả xong, ông không còn nợ nần gì nữa và ông vẫn còn tình cảm với bà N nên ông không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn kiên quyết xin ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Từ Khiết N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Từ Khiết N được ly hôn với ông Lạc Minh B, trẻ Lạc Phối A (nữ) sinh ngày 30/7/2008 giao cho ông Lạc Minh B và trẻ Lạc Nhã T (nữ) sinh ngày 01/8/2012 giao cho bà Từ Khiết N

trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Từ Khiết N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lạc Minh B, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông B hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 1/2007, đăng ký ngày 31/10/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 06, Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Từ Khiết N và ông Lạc Minh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổ chức hòa giải ba lần để các bên đoàn tụ. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn kiên quyết giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn, bị đơn xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng cho rằng bản thân không có lỗi, không đồng ý ly hôn. Tòa án đã cho các bên thời gian để hàn gắn mối quan hệ nhưng tại phiên tòa hôm nay các bên vẫn không thể có tiếng nói chung. Từ những phân tích trên cho thấy, quan điểm sống của vợ chồng ông B và bà N không phù hợp, hai bên thực sự có mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông B là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Từ Khiết N được ly hôn ông Lạc Minh B.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu của bà Từ Khiết N về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung trẻ Lạc Nhã T(nữ) sinh ngày 01/8/2012. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thi còn nhỏ, cần nhận được sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ mẹ; Về yêu cầu ông Lạc Minh B yêu cầu nuôi dưỡng Lạc Phối A(nữ) sinh ngày 30/7/2008. Xét thấy cháu Ân hiện đang sống với cha và theo nguyện vọng của cháu muốn được ở với cha để cha chăm sóc nuôi dưỡng.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Từ Khiết N giao con chung Lạc Nhã T(nữ) sinh ngày 01/8/2012 cho bà N nuôi dưỡng. Giao dưỡng trẻ Lạc Phối A(nữ) sinh ngày 30/7/2008 cho ông Lạc Minh B nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà Từ Khiết N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông Lạc Minh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi trẻ A.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Từ Khiết N và ông Lạc Minh B được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Từ Khiết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, 278, 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Từ Khiết N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Từ Khiết N được ly hôn với ông Lạc Minh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 31/10/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Bà Từ Khiết N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lạc Nhã T (nữ) sinh ngày 01/8/2012 và ông Lạc Minh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lạc Phối A (nữ) sinh ngày 30/7/2008). Ghi nhận sự tự nguyện của bà N, ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông Lạc Minh B và bà Từ Khiết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Từ Khiết N và ông Lạc Minh B được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Bà Từ Khiết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0020057 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 11, Quận 11;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Thu Thủy**



